

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 32

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 27 tháng 5 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Công An	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 7 tháng 5 năm 2019
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 5 năm 2019
Ông Đỗ Quang Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân An	Thành viên	
Bà Thiều Thị Ngọc Hiền	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2019/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Tờ trình thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty, theo đó, Công ty không tổ chức mô hình Ban kiểm soát và thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 18 tháng 4 năm 2019 bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Đông	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Phương Thúy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ từ ngày 19 tháng 4 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trí Tuấn Anh	Trưởng Ban
-------------------------	------------

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Công An	Giám đốc
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Quang Tiến	Phó Giám đốc

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 26 tháng 5 năm 2019 là ông Phạm Anh Tuấn và từ ngày 27 tháng 5 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này là Ông Lưu Công An, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

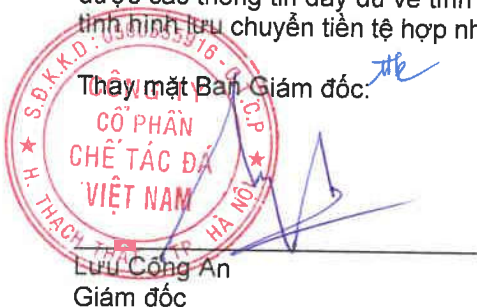
CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 28 tháng 2 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:


Lưu Công An
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Số tham chiếu: 61141842/21351368

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 2 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 26 tháng 2 năm 2019.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		505.091.439.505	411.720.009.298
110	I. Tiền	4	844.099.727	535.792.458
111	1. Tiền		844.099.727	535.792.458
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.937.348.082	21.557.928.266
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	5.785.058.447	8.549.582.023
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.241.793.147	211.589.511
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	15.500.000.000	15.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.161.461.023	1.047.721.267
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(3.750.964.535)	(3.750.964.535)
140	III. Hàng tồn kho		458.914.632.883	366.725.926.560
141	1. Hàng tồn kho	8	458.914.632.883	366.725.926.560
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		25.395.358.813	22.900.362.014
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		25.395.358.813	22.900.362.014
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		57.479.127.213	56.497.127.261
220	I. Tài sản cố định		24.199.095.963	25.248.795.230
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	22.115.261.996	22.450.503.903
222	Nguyên giá		78.386.840.246	71.959.260.314
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(56.271.578.250)	(49.508.756.411)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.083.833.967	2.798.291.327
228	Nguyên giá		3.572.286.800	3.572.286.800
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.488.452.833)	(773.995.473)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		800.957	122.356.079
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		800.957	122.356.079
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	27.174.127.118	25.163.085.554
251	1. Đầu tư vào công ty con		29.997.000.000	29.997.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.822.872.882)	(4.833.914.446)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		6.105.103.175	5.962.890.398
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.105.103.175	5.962.890.398
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		562.570.566.718	468.217.136.559

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		368.668.618.718	285.423.009.825
310	I. Nợ ngắn hạn		368.668.618.718	285.423.009.825
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	364.719.940.821	239.567.428.265
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		17.424.000	69.387.920
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	134.032.427	162.705.092
314	4. Phải trả người lao động		3.084.798.582	4.800.201.541
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		140.000.000	70.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	304.903.655	3.187.498.586
320	7. Vay ngắn hạn	16	-	37.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	267.519.233	565.788.421
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		193.901.948.000	182.794.126.734
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	193.901.948.000	182.794.126.734
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		110.000.000.000	110.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		110.000.000.000	110.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(176.913.636)	(176.913.636)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		15.370.459.308	15.370.459.308
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.708.402.328	57.600.581.062
421a	▣ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		56.955.900.250	48.851.391.096
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		11.752.502.078	8.749.189.966
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		562.570.566.718	468.217.136.559

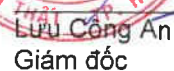


Phạm Thị Duyên
Người lập



Cao Hoàng Lan
Kế toán trưởng




Lưu Công An
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	599.681.513.691	260.490.833.065
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	599.681.513.691	260.490.833.065
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(573.266.574.378)	(234.956.500.640)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.414.939.313	25.534.332.425
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	1.116.265.679	937.034.019
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	21	1.161.279.748 (840.387.123)	(3.318.024.600) (2.220.000.000)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(2.757.120.881)	(2.098.417.676)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(12.494.488.669)	(10.316.548.865)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.440.875.190	10.738.375.303
31	11. Thu nhập khác	23	458.936.721	1.941.387
32	12. Chi phí khác	23	(5.356.572)	(59.734.375)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	23	453.580.149	(57.792.988)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.894.455.339	10.680.582.315
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(2.141.953.261)	(1.931.392.349)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.752.502.078	8.749.189.966




Phạm Thị Duyên
Người lập



Cao Hoàng Lan
Kế toán trưởng




Lưu Công An
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		13.894.455.339	10.680.582.315
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		8.244.457.067	7.154.445.094
03	(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng		(2.011.041.564)	713.182.360
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.803.087	1.385.769
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.123.310.584)	(935.577.258)
06	Chi phí lãi vay	21	840.387.123	2.220.000.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.852.750.468	19.834.018.280
09	Tăng các khoản phải thu		(1.024.981.685)	(16.569.661.054)
10	Tăng hàng tồn kho		(92.188.706.323)	(189.596.930.795)
11	Tăng các khoản phải trả		124.726.567.688	193.537.930.028
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(142.212.777)	761.620.147
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.658.553.789)	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.200.000.000)	(1.686.506.338)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(942.950.000)	(785.040.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		44.421.913.582	5.495.430.268
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(8.325.638.155)	(6.874.543.245)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		19.740.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay		1.254.135.654	5.577.258
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(7.051.762.501)	(6.868.965.987)

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(37.000.000.000)	▣
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(61.744.000)	(24.610.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(37.061.744.000)	(24.610.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		308.407.081	(1.398.145.719)
60	Tiền đầu năm		535.792.458	1.933.496.983
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(99.812)	441.194
70	Tiền cuối năm	4	844.099.727	535.792.458

Phạm Thị Duyên
Người lập

Cao Hoàng Lan
Kế toán trưởng



Lưu Công An
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 27 tháng 5 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 310 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 225 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm giữ 99,99% vốn cổ phần và quyền biểu quyết tại công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 99,99%). Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long có địa chỉ tại đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính trong năm của công ty con này là chế tác và kinh doanh đá.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để ngày 28 tháng 2 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 11 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 11 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với bên cho thuê vào ngày 30 tháng 5 năm 2008 trong thời hạn 26 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ cho thuê hoạt động

Thu nhập từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	329.266.854	122.872.032
Tiền gửi ngân hàng	514.832.873	412.920.426
TỔNG CỘNG	844.099.727	535.792.458

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	4.344.640.736	4.467.080.598
<i>Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội</i>	<i>1.178.951.610</i>	<i>1.178.951.610</i>
<i>Công ty Cổ phần TID</i>	<i>1.396.067.957</i>	<i>1.396.067.957</i>
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>1.769.621.169</i>	<i>1.892.061.031</i>
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	1.440.417.711	4.082.501.425
TỔNG CỘNG	5.785.058.447	8.549.582.023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.750.964.535)	(3.750.964.535)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Marmo Meccanica S.P.A	864.388.280	-
Lianyugang Jinhong Mining Co., Ltd	127.710.000	-
Trả trước cho người bán khác	249.694.867	211.589.511
TỔNG CỘNG	1.241.793.147	211.589.511

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản phải thu về cho vay tín chấp đối với Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long, công ty con của Công ty (Thuyết minh số 26), với kỳ hạn gốc của khoản cho vay này đáo hạn vào tháng 12 năm 2019. Trong năm, Công ty và Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long đã kí phụ lục hợp đồng gia hạn khoản vay, theo đó gốc vay sẽ được hoàn trả vào tháng 11 năm 2020. Lãi vay áp dụng là 7,1%/năm và được thanh toán theo quý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	
Phải thu lãi vay	871.184.930	-	1.021.750.000		▣
Phải thu khác	290.276.093	-	25.971.267		▣
TỔNG CỘNG	1.161.461.023	-	1.047.721.267		-
<i>Trong đó:</i>					
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>290.276.093</i>	<i>-</i>	<i>25.971.267</i>		<i>▣</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>871.184.930</i>	<i>-</i>	<i>1.021.750.000</i>		<i>▣</i>

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	
Nguyên vật liệu	416.720.230.175	▣	344.930.182.843	-	
Thành phẩm	18.058.603.135	-	6.966.353.926	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.789.601.268	-	12.678.944.554		▣
Công cụ, dụng cụ	6.828.698.866	▣	1.623.861.160		▣
Hàng hóa	517.499.439	-	526.584.077		▣
TỔNG CỘNG	458.914.632.883	▣	366.725.926.560		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo) ■
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					Tổng cộng
Số đầu năm	35.900.121.143	29.834.228.986	5.705.576.057	519.334.128	71.959.260.314
- Mua trong năm	-	6.134.757.800	1.060.000.000	-	7.194.757.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	(767.177.868)	-	-	(767.177.868)
Số cuối năm	35.900.121.143	35.201.808.918	6.765.576.057	519.334.128	78.386.840.246
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	10.941.623.138	12.629.279.198	1.868.901.512	55.097.673	25.494.901.521
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	27.638.986.392	18.082.544.895	3.496.072.550	291.152.574	49.508.756.411
- Khấu hao trong năm	3.284.656.476	3.397.229.220	748.710.340	99.403.671	7.529.999.707
- Thanh lý, nhượng bán	-	(767.177.868)	-	-	(767.177.868)
Số cuối năm	30.923.642.868	20.712.596.247	4.244.782.890	390.556.245	56.271.578.250
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	8.261.134.751	11.751.684.091	2.209.503.507	228.181.554	22.450.503.903
Số cuối năm	4.976.478.275	14.489.212.671	2.520.793.167	128.777.883	22.115.261.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	3.572.286.800
Số cuối năm	3.572.286.800
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	□
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	773.995.473
- Hao mòn trong năm	714.457.360
Số cuối năm	1.488.452.833
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	2.798.291.327
Số cuối năm	2.083.833.967

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long	29.997.000.000	(2.822.872.882)	27.174.127.118	29.997.000.000	25.163.085.554
TỔNG CỘNG	29.997.000.000	(2.822.872.882)	27.174.127.118	29.997.000.000	25.163.085.554

Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long được trình bày tại *Thuyết minh số 1*.

Công ty đang trình thu thập các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn này do cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long chưa được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tiền thuê đất trả trước	4.929.729.996	5.171.186.159	4.929.729.996	5.171.186.159	
Chi phí sửa chữa lớn	591.361.237	364.617.752	591.361.237	364.617.752	
Chi phí trả trước dài hạn khác	584.011.942	427.086.487	584.011.942	427.086.487	
TỔNG CỘNG	6.105.103.175	5.962.890.398	6.105.103.175	5.962.890.398	

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.644.282.837	5.644.282.837	3.968.219.637	3.968.219.637	
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	359.075.657.984	359.075.657.984	235.599.208.628	235.599.208.628	
TỔNG CỘNG	364.719.940.821	364.719.940.821	239.567.428.265	239.567.428.265	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	1.326.991.382	(1.326.991.382)	▣
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.120.427	2.141.953.261	(2.200.000.000)	6.073.688
Thuế thu nhập cá nhân	98.584.665	748.844.377	(719.470.303)	127.958.739
Thuế nhập khẩu	▣	306.654.100	(306.654.100)	▣
Thuế nhà thầu	▣	30.360.790	(30.360.790)	▣
Thuế khác	▣	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	162.705.092	4.557.803.910	(4.586.476.575)	134.032.427

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả ngắn hạn	296.045.500	357.789.500
Phải trả khác	8.858.155	11.542.420
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	-	2.818.166.666
TỔNG CỘNG	304.903.655	3.187.498.586

16. VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản vay tín chấp với giá trị là 37 tỷ VND từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A, công ty mẹ của Công ty, với lãi suất vay trong năm là 7,1%/năm (năm 2018: 6%/năm). Công ty đã hoàn trả toàn bộ gốc vay vào tháng 5 năm 2019, là thời điểm đáo hạn của khoản vay.

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	565.788.421	678.119.979
Trích lập quỹ (<i>Thuyết minh số 18.1</i>)	644.680.812	672.708.442
Chi quỹ trong năm	(942.950.000)	(785.040.000)
Số cuối năm	267.519.233	565.788.421

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước					
Số đầu năm	110.000.000.000	(176.913.636)	14.886.019.271	50.008.539.575	174.717.645.210
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.749.189.966	8.749.189.966
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	484.440.037	(484.440.037)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(672.708.442)	(672.708.442)
Số cuối năm	110.000.000.000	(176.913.636)	15.370.459.308	57.600.581.062	182.794.126.734
Năm nay					
Số đầu năm	110.000.000.000	(176.913.636)	15.370.459.308	57.600.581.062	182.794.126.734
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.752.502.078	11.752.502.078
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(644.680.812)	(644.680.812)
Số cuối năm	110.000.000.000	(176.913.636)	15.370.459.308	68.708.402.328	193.901.948.000

(*) Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban Điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019.

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Phương Hoàng xanh A&A	66.585.890.000	6.658.589	66.585.890.000	6.658.589
Các cổ đông khác	43.414.110.000	4.341.411	43.414.110.000	4.341.411
TỔNG CỘNG	110.000.000.000	11.000.000	110.000.000.000	11.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.000.000	11.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.000.000	11.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	11.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.000.000	11.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	599.681.513.691	260.490.833.065
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	595.103.707.688	255.053.214.259
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	4.517.806.003	5.153.218.806
<i>Doanh thu cho thuê tài sản</i>	60.000.000	284.400.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	599.681.513.691	260.490.833.065
Trong đó:		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	764.236.499	4.707.836.528
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	598.917.277.192	255.782.996.537

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	1.100.499.999	930.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.765.680	7.034.019
TỔNG CỘNG	1.116.265.679	937.034.019

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm	569.377.631.147	229.761.782.885
Giá vốn bán hàng hóa	3.887.558.686	4.922.706.193
Giá vốn cho thuê tài sản	1.384.545	272.011.562
TỔNG CỘNG	573.266.574.378	234.956.500.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	840.387.123	2.220.000.000
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(2.011.041.564)	1.095.114.298
Chi phí tài chính khác	9.374.693	2.910.302
TỔNG CỘNG	(1.161.279.748)	3.318.024.600

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	2.358.580.403	1.855.277.125
Chi phí đồ dùng văn phòng	180.063.083	92.041.733
Chi phí khác	218.477.395	151.098.818
TỔNG CỘNG	2.757.120.881	2.098.417.676
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.538.862.916	6.004.589.542
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.882.983.830	1.889.217.747
Chi phí khác	4.072.641.923	2.804.673.514
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(381.931.938)
TỔNG CỘNG	12.494.488.669	10.316.548.865

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	458.936.721	1.941.387
Tiền đền bù sản phẩm thu được	440.990.000	-
Thu nhập khác	17.946.721	1.941.387
Chi phí khác	5.356.572	59.734.375
Chi phí khác	5.356.572	59.734.375
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	453.580.149	(57.792.988)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	521.246.938.471	196.498.852.870
Chi phí nhân công	47.257.923.189	31.178.209.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.244.457.067	7.154.445.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.276.966.055	13.052.851.722
Chi phí khác	4.694.805.069	2.673.405.517
TỔNG CỘNG	603.721.089.851	250.557.764.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

Đối với hoạt động bán thành phẩm và hoạt động gia công:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm kể từ năm Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ năm 2008 đến 2019).

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2011 đến năm 2017). Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động bán thành phẩm và hoạt động gia công trong năm nay là 15%.

Đối với các hoạt động khác:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động khác là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.141.953.261	1.931.392.349
TỔNG CỘNG	2.141.953.261	1.931.392.349

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.894.455.339	10.680.582.315
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	2.291.341.213	1.587.810.630
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	828.691.648	(57.106.870)
Thuế TNDN theo thuế suất 15%	1.462.649.565	1.644.917.500
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không liên quan đến hoạt động kinh doanh	25.625.039	28.575.000
Các khoản điều chỉnh tăng khác	8.172.462	34.556.801
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	280.560.011
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Điều chỉnh giảm khác	(183.185.453)	(110.093)
Chi phí thuế TNDN	2.141.953.261	1.931.392.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vicostone	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, vật tư	595.078.238.442	261.660.873.612
		Mua hàng hóa	485.437.633.231	302.200.493.680
		Mua tài sản cố định	-	643.042.624
		Chi phí thuê xe	60.000.000	63.000.000
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	38.945.721.175	19.809.942.900
		Bán hàng hóa, vật tư	164.835.436	-
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	43.072.806.701	38.676.118.431
		Mua vật tư	-	198.907.124
		Bán hàng hóa, vật tư	1.683.882.731	-
		Dịch vụ cắt đá	464.660.000	-
		Thanh toán gốc vay	37.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	840.387.123	2.220.000.000		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí dịch vụ tư vấn	69.055.660	63.753.784
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	Công ty cùng Tập đoàn	Mua vật tư	2.399.603.149	746.024.141
		Chi phí ăn ca	2.226.706.207	938.723.732
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long	Công ty con	Bán hàng hóa, vật tư	1.990.320.583	-
		Lãi cho vay	1.100.499.999	930.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản phải thu cho vay và vay có lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cấn trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</i>				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long	Công ty con	Bán hàng hóa	1.440.417.711	4.000.482.177
Viện nghiên cứu và Công nghệ Phenikaa	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	▬	53.076.103
Trường Đại học Phenikaa	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	▬	28.943.145
TỔNG CỘNG			1.440.417.711	4.082.501.425
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long	Công ty con	Cho vay	15.500.000.000	15.500.000.000
TỔNG CỘNG			15.500.000.000	15.500.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty cổ Cổ phần Công nghiệp Trần Long	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	871.184.930	1.021.750.000
TỔNG CỘNG			871.184.930	1.021.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)</i>					
Công ty Cổ phần Vicostone	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	290.810.913.263	184.089.313.453	
Công ty Cổ phần Stylestone	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	46.545.558.364	30.386.584.044	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	21.294.936.933	20.652.960.653	
Công ty Cổ phần trung tâm Séc G3	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	424.249.424	431.699.456	
Công ty CP tư vấn quản lý dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	-	38.651.022	
TỔNG CỘNG			359.075.657.984	235.599.208.628	
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)</i>					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Lãi vay phải trả	-	2.818.166.666	
TỔNG CỘNG			-	2.818.166.666	
<i>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i>					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Đi vay	-	37.000.000.000	
TỔNG CỘNG			-	37.000.000.000	

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>		
Lương và thưởng	1.928.581.019	1.978.596.193		
TỔNG CỘNG	1.928.581.019	1.978.596.193		

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động với thời hạn 49 năm kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2008. Theo hợp đồng thuê đất đã ký, Công ty có nghĩa vụ di dời tất cả các công trình xây dựng, vật kiến trúc, thiết bị, vật liệu trên khu đất cho thuê và trả lại mặt bằng đất nguyên trạng như tại thời điểm được bàn giao đất tại thời điểm kết thúc hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Phạm Thị Duyên
Người lập



Cao Hoàng Lan
Kế toán trưởng



Lưu Công An
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020